TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** TỈNH QUẢNG BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17- 4- 2018
"*V/v Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Bảo
2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Phương Lý – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Khắc T, năm 1994

Trú tại: Tổ dân phố T, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997

Trú tại: Tổ dân phố N, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 23/11/2017, bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Khắc T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H có quá trình tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 30/9/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống. Khi sinh con được hơn 01 tháng thì chị H bỏ về bên ngoại, gia đình chị H đã đưa chị về lại nhà anh, nhưng khi con được 09 tháng tuổi chị H lại bỏ về nhà bố mẹ chị sống cho đến nay. Nay anh thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên anh kiên quyết xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Quá trình chung sống anh và chị H có 01 con chung: Nguyễn Thị N, sinh ngày 05/5/2016, vì hiện tại chị H đã bỏ về nhà ngoại nên con đang ở với anh T. Nếu ly hôn nguyện

vọng của anh xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng. Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập nhiều lần cho chị H nhưng chị H không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Kết quả xác minh tại Uỷ ban nhân dân phường T cho thấy: Chị Nguyễn Thị H đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng, giấy tờ do Tòa án tống đạt. Ngày 08/3/2017, Toà án Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập anh Trọng, chị H đến phiên toà vào ngày 23/3/2018, nhưng chị H vắng mặt nên Toà án phải hoãn phiên toà. Ngày 17/4/2018, Toà án mở phiên toà lần hai, tiếp tục triệu tập các bên đương sự đến tham gia phiên toà nhưng chị H vẫn vắng mặt. Qua xác minh tại Uỷ ban nhân dân phường T và lời khai của ông Nguyễn Văn T (bố chị H): Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà, các giấy triệu tập đến phiên toà của Toà án đã được Uỷ ban tống đạt hợp lệ cho chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

- Về mặt tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm, bị đơn không chấp hành việc thông báo, triệu tập của Toà án gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho anh T được ly hôn với chị H; áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cho anh T được quyền nuôi con chung. Do anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con và vợ chồng không có tài sản chung nên không xem xét giải quyết về các vấn đề này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Khắc T có đơn yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Thị H, hiện tại anh T, chị H có hộ khẩu thường trú tại phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã B.

- Về sự vắng mặt của chị Nguyễn Thị H: Xét thấy chị H đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Khắc T và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã

B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 30/9/2015. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xẩy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ chị sống từ tháng 01/2017 cho đến nay. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin được hôn với chị H. Xét thấy, vợ chồng anh T và chị H hiện đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, tình cảm thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Khắc T

[3]. Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung: Nguyễn Thị N, sinh ngày 05/5/2016. Nếu vợ chồng ly hôn nguyện vọng của anh T xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, vì chị H đã bỏ con đi và từ đó đến nay con ở với anh. Xét thấy mặc dù hiện tại cháu Nguyễn Thị N chưa đủ 36 tháng tuổi, tuy nhiên chị H đã bỏ nhà ra đi từ khi con 09 tháng tuổi, thời điểm này con rất cần được chăm sóc của người mẹ, thế nhưng chị H đã không quan tâm gì đến con và anh T đang là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con từ đó đến nay. Chị H chưa đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về quan hệ tài sản: Quá trình chung sống anh T và chị H không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Khắc T phải nộp tiền án phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 1 và khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị H

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Khắc T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H

3. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung Nguyễn Thị N, sinh ngày 05/5/2016 cho anh Nguyễn Khắc T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng do anh T không yêu cầu. Sau khi

ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Không xem xét

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Xử buộc anh Nguyễn Khắc T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002037, ngày 24/11/2017.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án của Toà án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.